

Vùng KINH TẾ ĐỘNG LỰC

VĂN THÁI

PGS. Chủ nhiệm Bộ môn Địa lý kinh tế.

SỰ ĐỒNG ĐỀU MÀU XÁM

Một thời gian khá dài vào những năm 60-70, khi nói tới phân bố các lực lượng sản xuất của đất nước và tổ chức nền kinh tế-xã hội theo lãnh thổ, một cụm từ quen thuộc thường được lặp đi lặp lại tới thành quen miệng, đó là: phân bố đồng đều, hợp lý, có kế hoạch. Theo kết cấu của cụm từ này, dường như sự đồng đều vừa là tiền đề tất yếu cho sự hợp lý và có kế hoạch, vừa là mục đích cuối cùng của việc phân bố các lực lượng sản xuất và tổ chức lãnh thổ nền kinh tế-xã hội, và là đặc trưng tiêu biểu thể hiện tính ưu việt của bộ mặt phân bố sản xuất xã hội chủ nghĩa. Tất nhiên không ai hiểu một cách đơn giản khái niệm phân bố đồng đều các lực lượng sản xuất là trải đều theo từng đơn vị lãnh thổ, "trên từng cây số". Đồng đều ở đây được giải thích là đồng đều về trình độ phát triển giữa các vùng lớn của đất nước, đồng đều về cơ cấu đa ngành và đồng đều về mặt sử dụng các nguồn tài nguyên nhân vật lực của đất nước. Và như thế, sự đồng đều được xem như một thước đo, một chuẩn mực cho tính hợp lý (tính hiệu quả) về kinh tế và tính công bằng về xã hội thể hiện trong phân bố sản xuất. Xuất phát từ luận cứ đó, ở nhiều nước XHCN vào những năm 60-70, người ta đã có nhiều nỗ lực to lớn trong việc phân bố lại các lực lượng sản xuất của đất nước, ưu tiên phát triển các vùng trước đây lạc hậu, các vùng miền núi, các vùng dân tộc ít người...

Những nỗ lực trên đã làm thay đổi nhanh chóng bộ mặt phân bố sản xuất ở một số vùng trước đây lạc hậu, góp phần làm giảm bớt sự chênh lệch quá đáng giữa miền xuôi và miền núi về trình độ phát triển sản xuất và văn hóa xã hội. Tuy nhiên, do tư tưởng bình quân chủ nghĩa, nóng vội tiến nhanh, tiến mạnh lên sản xuất lớn XHCN, "đàn hàng ngang mà tiến", sự phân bố đồng đều đã dần tỏ ra là không hợp lý!

Thật vậy, việc phân bố các lực lượng sản xuất của đất nước, tổ chức lãnh thổ nền kinh tế - xã hội của một quốc gia trước hết phải nhằm tạo ra những nguồn lực mới với hiệu quả cao nhằm thúc đẩy nền kinh tế chung của cả nước tiến lên những bước vững chắc, trên cơ sở đó làm thay đổi bộ mặt kinh tế xã hội của cả nước cũng như của từng vùng. Việc tổ chức lại, phân bố lại, với tính chất cao bằng giữa các vùng, thực chất sẽ dẫn tới làm tê liệt sức bật của những vùng giàu mạnh về sức sản xuất và khuyến khích sự trông chờ, ỷ lại ở những vùng yếu kém tiềm năng phát triển. Tổ chức lãnh thổ các lực lượng sản xuất theo hướng đó chỉ có thể dẫn tới một sự đồng đều ở một bình diện thấp: sự đồng đều

màu xám.

VÀ NHỮNG CHỖI XUÂN MÀU XANH

Nền sản xuất của một đất nước muốn vươn lên một bậc, khởi sắc lên một bậc thì không thể đảm bảo mọi nguồn lực trên mọi vùng lãnh thổ mà trái lại, như trên thân cây kia phải để hết nhựa sống lên đầu cành để làm bật những chồi xuân màu xanh, nhờ đó mà cây tăng trưởng lên, thoát khỏi sự cằn cỗi. Khái niệm "Vùng kinh tế động lực" đã nảy sinh trên cái nền mới của tư duy đó. Tháng 9-1991 ở TP Hồ Chí Minh đã có một hội nghị về vùng kinh tế động lực với sự hợp mặt của nhiều chuyên viên kinh tế vùng và các nhà nghiên cứu chiến lược kinh tế. Vùng kinh tế động lực là một vùng kinh tế lớn, tiềm ẩn nhiều nguồn lực có khả năng đem lại những lợi ích to lớn cho toàn bộ nền kinh tế của đất nước nếu được đầu tư thích đáng và tổ chức hợp lý nền sản xuất trong vùng. Nhiều ý kiến, nhiều khái niệm về vấn đề này còn phải tranh cãi và chưa đồng nhất được, nhưng việc xác định những vùng kinh tế động lực đã trở thành một nhu cầu bức thiết đặt ra cho những năm sắp tới khi mà các nguồn đầu tư nước ngoài đang chuyển hướng về phía Việt Nam.

Đã có một thời gian khá dài chúng ta dần trải nguồn vốn đầu tư mỏng manh trên toàn bộ hệ thống vùng lãnh thổ kinh tế - hành chính của đất nước mà không tính đến hiệu quả, và trên thực tế, nhiều nguồn đầu tư đã không đem lại những kết quả mong muốn. Thực vậy, ngay ở Liên Xô, sau hơn 70 năm nỗ lực phân bố đồng đều lực lượng sản xuất sang miền Đông, xuống miền Nam, nhưng tới những năm 80, miền Tây Liên Xô vẫn tập trung tới 75,8% dân số và chiếm 80% tổng sản phẩm công nghiệp và nông nghiệp của toàn Liên Xô, trong khi chỉ chiếm 24,8% diện tích toàn Liên Xô. Yu. G. Xauskin, nhà nghiên cứu kinh tế lãnh thổ lão thành xô - viết ngay từ những năm 70 đã nhận ra rằng "phân bố đồng đều dân cư trên lãnh thổ cả nước hoặc phân bố đồng đều toàn bộ các lực lượng sản xuất (hoặc nền sản xuất) là một kiến nghị tồn kém không thể thực hiện được và không đem lại hiệu quả kinh tế" (1). Phân bố đồng đều các lực lượng sản xuất, hiểu một cách máy móc sẽ dẫn đến tư tưởng cục bộ địa phương và biến hệ thống vùng kinh tế của cả nước thành những vùng tự cấp, tự túc. Trên một đất nước có quy mô lãnh thổ không nhỏ như Việt Nam (330.363 km², đứng thứ 61

trong tổng số hơn 220 quốc gia và tổ chức lãnh thổ kinh tế - xã hội trên thế giới hiện nay), lại có những vùng địa lý tự nhiên khác nhau, điều kiện phát triển và quá trình phát triển khác nhau giữa các vùng, đã dẫn tới những chênh lệch quá lớn mà sự nồn nóng muốn phân bố đồng đều các lực lượng sản xuất giữa các vùng trong một thời gian ngắn là điều khó có thể thực hiện. Chúng ta buộc phải chấp nhận sự chênh lệch hiện hữu giữa các vùng để tập trung các nguồn lực cho những vùng kinh tế động lực nhằm tạo ra sức bật cho sự cất cánh của toàn bộ nền kinh tế đất nước.

Vào những năm 60-70, các nhà nghiên cứu kinh tế thế giới không ngớt lời chê bai sự phân bố chênh lệch về sức sản xuất giữa các vùng của Nhật Bản, về "nước Nhật Bản cho hai bộ mặt", về "cái dây lưng công nghiệp" của Nhật Bản... Và bây giờ người ta lặng lẽ nhận ra rằng nước Nhật đã phát triển sức sản xuất tới cả những hòn đảo trước đây lạc hậu như Hokkaido, Sukoku và Kjusiu với những công trình thế kỷ như đường hầm qua eo biển dài 54 km, hệ thống cầu qua các đảo phía Nam dài trên 12km và những thành phố triệu dân cũng đang hình thành ở Hokkaido và các đảo phía Nam. Bài học của người Nhật ở đây là: tập trung vốn liếng, sức lực cho các vùng kinh tế động lực, giàu tiềm năng để nhanh chóng phát triển, tích lũy nhiều vốn đầu tư, khoa học kỹ thuật, từ đó sẽ có sức khai phá và phát triển nhanh mạnh các vùng trước đây lạc hậu.

Chính những chồi xuân màu xanh, những vùng kinh tế động lực, sẽ làm nên sức mạnh của nền kinh tế đất nước, sẽ tạo ra sự phát triển đồng đều trong tương lai.

NAM BỘ: VÙNG KINH TẾ ĐỘNG LỰC.

Vùng kinh tế động lực phải có quy mô tương xứng với quy mô lãnh thổ và dân số cả nước: vùng kinh tế động lực không nên quá lớn, có thể làm phân tán các nguồn lực, nhưng cũng không nên quá nhỏ, không đủ sức tạo lực làm đòn bẩy cho nền kinh tế cả nước. Vùng kinh tế động lực không chỉ là một vùng có "ưu thế cao về hiệu suất đầu tư và tỉ suất hàng hóa" mà còn phải có nhiều lợi thế so sánh nhiều mặt về vị trí địa lý, tài nguyên thiên nhiên và các nguồn lực kinh tế - xã hội khác, có sức hấp dẫn đối với các nguồn đầu tư từ nước ngoài.

Trong hệ thống lãnh thổ kinh tế - xã hội của Việt Nam hiện nay, có thể dễ dàng nhận ra Nam Bộ có đầy đủ dấu hiệu của một vùng kinh tế động lực. Nam Bộ mới bao gồm cả Lâm Đồng, Ninh Thuận, Bình Thuận (do các lãnh thổ này chịu sức hút mạnh của TP Hồ Chí Minh và các trung



CHỢ và THƯƠNG LẠI Ở MIỆT VƯỜN

SƠN NAM VÀ TRƯƠNG NGỌC TƯỜNG

Chợ là đầu não lưu thông phân phối, thường ở ngã ba, ngã tư sông rạch, tốt hơn nữa là thêm đường bộ. Một bằng chứng cụ thể: Chợ Cái Bè có trước chợ Cai Lậy và sung túc, nổi danh hơn. Từ đời Gia Long, Cái Bè là đầu mối dự trữ hàng hóa, nhất là cau khô, đưa lên Nông Pênh, dùng những chiếc bè to, kiểu xà lan bằng cây ván. Cuối thế kỷ thứ 19, thực dân Pháp đến, khai thông đường tàu thủy từ Sài Gòn đi Nông Pênh rồi Biển Hồ, Cái Bè vẫn là trạm dừng quan trọng của lộ trình. Trong khi ấy, chợ Cai Lậy nằm trên tuyến đường bộ, kém phồn thịnh, tuy ghe chở lúa gạo từ Lục Tỉnh lên Sài Gòn có ghé bến, nghỉ ngơi, mua thực phẩm. Quốc lộ thành hình, xe ô tô nhập quá nhiều, ưu thế đường bộ lần hồi rõ rệt. Chợ Cai Lậy trở nên sung túc. Vì đường thủy trở nên thứ yếu, Cái Bè khó phát đạt. Đó cũng là trường hợp của Chợ Lách, một thời nổi danh, với đường thủy từ Hậu Giang lên Sài Gòn.

Chợ là nơi mua hàng hóa dư thừa, bán ra lương thực, thực phẩm, hàng tiêu dùng. Miệt vườn có nhiều chợ, mỗi ngày đều họp, không có kiểu chợ họp từng phiên trong tháng. Nói chung, chợ huyện họp suốt ngày, chợ làng họp vài giờ, buổi sáng. Lại còn chợ nhóm ban đêm, chợ nhóm theo thời vụ. Thí dụ như chợ bán heo con thừa vú, ở Thuộc Nhiều, nhóm ban đêm, để sáng ra người mua dịp đưa heo vào bày. Lại còn chợ dưa hấu, mấy đêm cận Tết, chợ xoài ở Mỹ Đức Đông, An Hữu (Cái Bè), chợ nhãn ở Nhị Quí, chợ vú sữa ở Vĩnh Kim, họp theo mùa vụ trái cây, chủ yếu là mua bán sỉ, thường họp ban đêm để chuyển kịp về Thành phố Hồ Chí Minh khi trời vừa sáng. Chợ sung túc dịch vụ ăn uống cho người mua kẻ bán, cho tài xế, phụ xế, xe ba gác.

Chợ ở miệt vườn đã định hình từ thế kỷ thứ 18. Chợ Mỹ Tho lập khoảng 1679, chợ Cái Bè, khoảng 1732, kể đến là chợ Cai Lậy. Và những chợ làng, gọi chợ chòm hóm, mỗi sáng nhóm vài mươi bàn hàng đã rộn rịp từ cuối thế kỷ thứ 18, thí dụ như chợ Giữa (Vĩnh Kim, tỉnh Tiền Giang), xưa gọi chợ Đình Thung (do ông cai đình tên Thung thành lập) đã ghi trong *Gia Định Thành Thông Chí*, người dịch phiên âm sai lạc là chợ Xuân. Còn những chợ nhỏ hơn, thí dụ như chợ Ba Rài (*Đại Nam Nhất Thống Chí* ghi chợ Hội Sơn), chợ Giồng (*Đại Nam Nhất Thống Chí* ghi chợ Mỹ Quí), chợ Rạch Gầm mà *Gia Định Thành Thông Chí* ghi "tiểu thị", chợ nhỏ "*Đại Nam Nhất Thống Chí*" ghi "thủy thị" (chữ tiểu viết na ná lầm ra chữ thủy).

Giao thương lái giữ vai trò trung gian giữa nhà vườn và người tiêu thụ, có thể là người buôn bán lẻ, hoặc mua gom đem về thành phố, lắm khi họ có nhà vườn. Nhà vườn dư vài quây chuối, vài chục dưa, chẳng lẽ ra ngồi bán suốt buổi chợ, đã tốn thời giờ lại mất buổi lao động, thả bán ngay cho thương lái, giới này mua từng mang rồi gom lại, chở một đôi chuyến, đỡ tốn tiền vận chuyển.

Đạo trước, nhiều thương lái già dân tay nghề, có thể tiên đoán năng suất và thời giá nên dám mua mao, lúc cây đang trổ bông, rồi tự lo phần chăm sóc, bẻ hái. Riêng về xoài, gần như chẳng ai dám mua theo kiểu nói trên.

Nói chung, giới thương lái "mua sanh bán tử" này không được thiện cảm, họ trục lợi, kiểu cho vay ăn lời quá cao, bức hiếp lúc nhà vườn đang túng tiền mặt. Trong giai đoạn hiện nay, ta có thể sử dụng tay nghề của thương lái, thuyết phục cho giới này thấy đâu là quyền lợi cá nhân, đâu là quyền lợi tập thể, hạn chế những mặt tiêu cực.

SN & TNT.



tâm công nghiệp phía Nam, nên có xu hướng gắn kết với Nam Bộ hơn là với vùng kinh tế Trung Bộ), chiếm 25% diện tích cả nước, 38% dân số với 17 tỉnh và 1 thành phố lớn. Ngoài TP. Hồ Chí Minh là trung tâm dân cư lớn nhất cả nước còn có nhiều thành phố và thị tứ đông dân khác như: Biên Hòa, Cần Thơ, Mỹ Tho, Vũng Tàu... Vùng Nam Bộ có vị trí thuận lợi trong việc mở rộng các quan hệ ngoại thương vì nằm gần các tuyến đường biển quốc tế đi ngang qua khu vực Đông Nam Á, đặc biệt khi kênh đào Kra được khai thông thì các cảng Sài Gòn, Vũng Tàu và các đảo Phú Quốc, Côn Đảo có thể phát triển thành những trung tâm giao dịch quốc tế đáng kể. Tài nguyên chính của vùng: đầu lúa, bông, gỗ, bông, cao su, chè, cà phê, dầu tằm, mía, các loại cây ăn quả, thủy hải sản, cảnh quan du lịch... Vùng chiếm gần 1/2 tổng số xí nghiệp cả nước và hơn 1/2 giá trị tổng sản lượng công nghiệp và TTCN cả nước, hơn 40% diện tích đất trồng cây lâu năm và 1/2 diện tích đất lúa. Vùng Nam Bộ chiếm hơn 1/2 sản lượng hải sản đánh bắt hàng năm, hơn 40% sản lượng đậu, mía, lạc, hoa quả của cả nước. Vùng còn có ưu thế hơn các vùng khác trong nước về giao thông vận tải và hệ thống cấu trúc hạ tầng, đặc biệt là khu vực TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh xung quanh. Dân cư và nguồn lao động trong vùng được đào tạo từ nhiều nguồn, có vốn liếng, tay nghề, trình độ văn hóa tương đối khá, đã ít nhiều làm quen với cơ chế kinh tế thị trường và tiếp cận thế giới đa phương. Trong tổng số các dự án đầu của nước ngoài vào Việt Nam hiện nay thì Nam Bộ, đặc biệt là Đông Nam Bộ- TP. Hồ Chí Minh và các tỉnh xung quanh, chiếm nhiều nhất cả về số lượng dự án và tổng giá trị vốn đầu tư. Nhược điểm chủ yếu của Nam Bộ là thiếu nguồn năng lượng rẻ tiền (thủy điện), nhược điểm này sẽ được khắc phục sau khi đường dây tải điện siêu cao áp 500 KV nối thủy điện Hòa Bình với lưới điện phía Nam vào năm 1994.

Vùng kinh tế động lực Nam Bộ sẽ có những đóng góp xứng đáng cho sự phát triển kinh tế chung của cả nước.

VT.

(1) Yu. G. Kauskin. Địa lý kinh tế: lịch sử, lý luận, phương pháp, ứng dụng. NXB Tư Tưởng, Moxkva, 1973. Bản Nga,